

BẢN TIN HÀNG NGÀY

22 Tháng 12 2025

Vn-Index bùng nổ tăng 46.7 điểm

- Vn-Index tăng điểm mỗi lúc 1 cao hơn trong suốt cả ngày, và đóng cửa tăng tới 46.7 điểm
- Số mã tăng gấp hơn 2 lần số mã giảm
- VIC tăng trần, và VHM tăng mạnh, đóng góp 24 điểm vào mức tăng của Vn-Index
- 1 số mã khác tăng trần như STB GEE SHI
- Các nhóm ngành tăng tốt là ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, hàng không, bán lẻ, khu công nghiệp, và cảng biển
- Tóm lại, hôm nay thị trường bùng nổ trên diện rộng; trong đó VIC VHM tăng mạnh nhất, và nhiều mã và nhóm ngành khác cũng tăng điểm
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 4.7% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

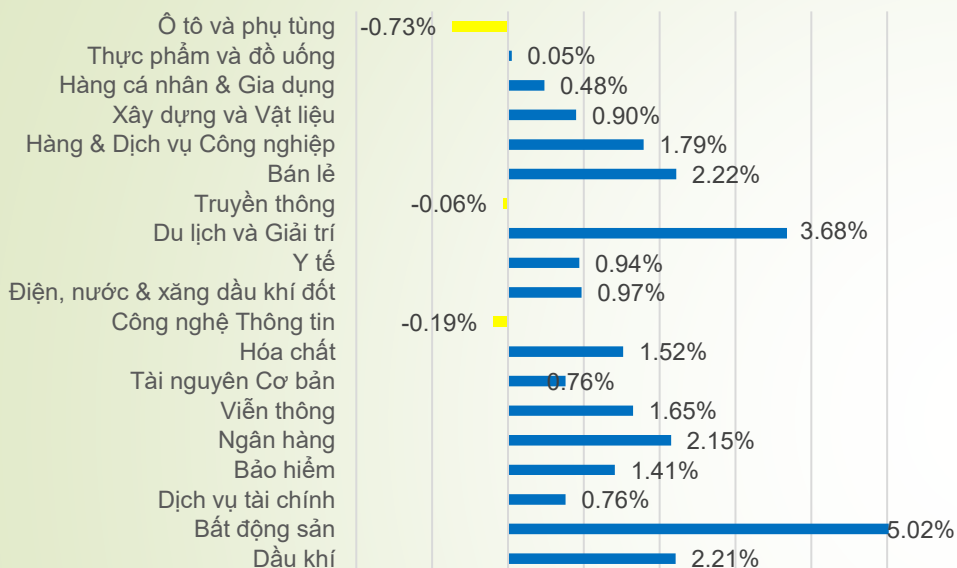


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,751.0	257.2	119.8
(+/-)	46.72	3.26	0.43
(%)	2.74%	1.28%	0.36%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	725	40	37
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	19,936	1,364	559
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	227	(47)	0
Số mã tăng	216	88	141
Số mã giảm	97	50	82
Số mã giá không đổi	65	63	86

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	20.50	1.36
2	Nguyên vật liệu	14.89	1.50
3	Công nghiệp	12.06	1.92
4	Hàng Tiêu dùng	15.61	2.02
5	Dược phẩm và Y tế	17.83	1.69
6	Dịch vụ Tiêu dùng	25.45	4.18
7	Viễn thông	20.42	5.20
8	Tiện ích Cộng đồng	13.35	1.69
9	Tài chính	24.76	2.65
10	Ngân hàng	9.81	1.59
11	Công nghệ Thông tin	17.66	3.61

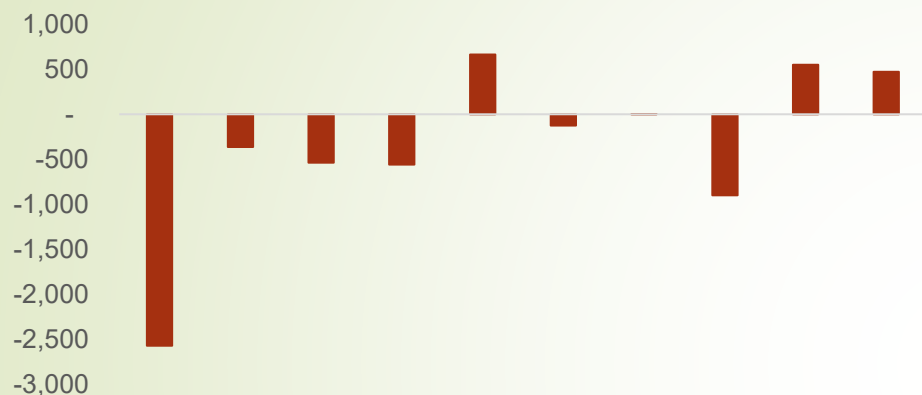
- Như vậy, Vn-Index đã tăng liên tục trong 5 phiên vừa qua, và hiện đã đóng cửa ở vùng ~1,750 điểm; tức gần chạm 2 đỉnh cao nhất của năm 2025, cũng là đỉnh lịch sử của Vn-Index
- Ngưỡng kháng cự tại 1,750 điểm là mạnh, và áp lực bán trong thời gian tới có thể còn gia tăng
- Trong bối cảnh cuối năm, lãi suất đang tăng, và nguồn tiền cũng không còn dồi dào như trước; mua vào tại vùng giá hiện tại sẽ rủi ro hơn
- Do đó, mặc dù chúng tôi vẫn đánh giá tích cực vào triển vọng TTCK trong năm 2026, cho mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư cũng nên hạn chế mua đuổi ở vùng giá hiện tại.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
STB	6.94%	VIC	6.94%	VIX	5.38%	ANV	2.58%	CTD	4.67%	NKG	2.00%	POW	4.10%	DGC	6.27%
TCB	4.76%	PDR	6.22%	CTS	3.86%	HAG	1.11%	CII	2.99%	HSG	0.94%	GAS	2.03%	CSV	1.79%
EIB	4.65%	VHM	5.81%	VDS	3.22%	DBC	1.08%	VGC	2.59%	HPG	0.75%	PPC	1.42%	DCM	1.41%
HDB	4.05%	VRE	4.10%	DSE	2.28%	VHC	0.92%	PC1	1.62%	PTB	0.00%	GEG	0.70%	DPR	1.36%
OCB	2.92%	NLG	3.00%	EVF	2.22%	BHN	0.78%	BMP	1.26%	DHC	0.00%	NT2	0.21%	VFG	1.34%
TPB	2.67%	DIG	2.79%	SSI	2.11%	ASM	0.61%	HHV	1.08%	ACG	-2.64%	REE	0.00%	GVR	0.57%
MBB	2.23%	HDG	2.13%	DSC	1.97%	BAF	0.57%	CTR	1.08%			SHP	0.00%	AAA	0.37%
CTG	2.03%	HDC	2.07%	VCI	1.29%	VCF	0.42%	VCG	0.42%			TMP	0.00%	PHR	0.35%
VPB	1.93%	TCH	1.86%	BSI	1.17%	MCM	0.38%	HTI	0.00%			TDM	0.00%	DPM	0.22%
BID	1.86%	KDH	1.53%	AGR	0.91%	MSN	0.26%					VSH	0.00%		
ACB	1.67%	SZC	1.18%	HCM	0.87%	SBT	0.00%					CHP	-0.17%		
MSB	1.57%	VPI	1.18%	VND	0.76%	PAN	0.00%					BWE	-0.23%		
SSB	1.43%	DXG	1.12%	ORS	0.37%	SAB	-0.20%					HNA	-0.23%		
LPB	1.15%	KOS	1.07%	FTS	0.29%	FMC	-0.28%					PGV	-0.51%		
SHB	0.93%	SJS	1.03%	BCG	0.00%	KDC	-0.57%					PGD	-1.07%		
VIB	0.85%	BCM	0.98%	TVS	-0.32%	VNM	-1.25%								
VCB	0.52%	IJC	0.92%												
NAB	-0.69%	KBC	0.87%												
		DXS	0.21%												
		SIP	0.19%												
		NVL	-0.36%												
		QCG	-4.42%												
		CRE	-6.52%												

Giao dịch khối ngoại

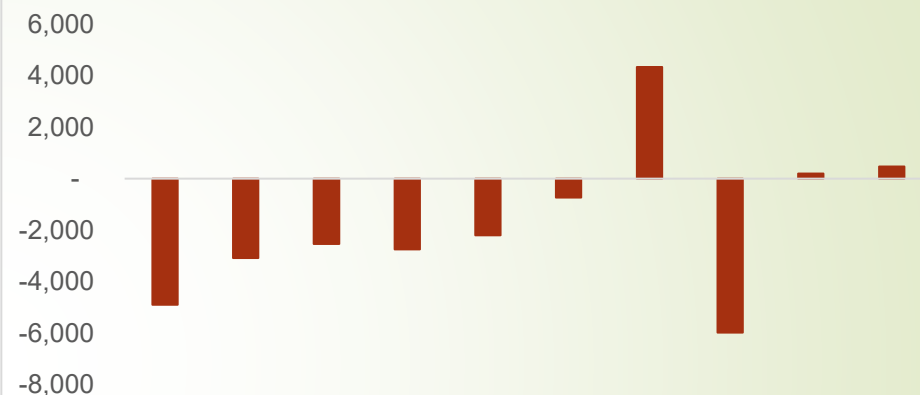
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	MWG	HOSE	265.63	73.26	192.37
2	GEX	HOSE	154.12	24.00	130.13
3	VIX	HOSE	128.28	37.17	91.11
4	VPB	HOSE	114.62	40.20	74.41
5	BSR	HOSE	77.07	12.29	64.79
6	VJC	HOSE	82.47	25.83	56.64
7	POW	HOSE	49.92	1.28	48.64
8	TPB	HOSE	48.81	5.17	43.64
9	VIC	HOSE	108.56	66.83	41.72
10	GAS	HOSE	41.80	5.83	35.98
11	GMD	HOSE	62.60	27.27	35.34
12	VHM	HOSE	129.79	96.54	33.25
13	EIB	HOSE	46.10	17.30	28.80
14	HHV	HOSE	25.10	0.51	24.59
15	E1FVN30	HOSE	35.11	12.76	22.34

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	FPT	HOSE	62.93	366.55	- 303.63
2	ACB	HOSE	20.97	94.09	- 73.12
3	VNM	HOSE	6,016.07	6,065.71	- 49.64
4	CII	HOSE	6.52	49.90	- 43.38
5	HPG	HOSE	393.40	430.15	- 36.75
6	DGC	HOSE	23.95	56.04	- 32.09
7	DGW	HOSE	0.28	25.05	- 24.77
8	SHS	HNX	0.68	22.60	- 21.92
9	MBS	HNX	2.08	21.30	- 19.22
10	DXG	HOSE	3.57	19.37	- 15.79
11	HCM	HOSE	1.91	15.98	- 14.06
12	NLG	HOSE	4.59	18.55	- 13.96
13	NVL	HOSE	1.38	14.58	- 13.21
14	CEO	HNX	0.00	11.24	- 11.24
15	DIG	HOSE	2.87	13.16	- 10.29

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	60.47	1.09%	-1.06%	-18.98%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	56.52	0.93%	-1.26%	-21.19%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,361.40	0.50%	1.43%	65.14%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,149	0.00%	0.02%	3.34%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,406	0.00%	0.02%	3.35%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,920	-0.30%	-0.96%	4.14%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.58%	0.10%	-2.79%	0.54%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.07%	0.00%	0.01%	0.95%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.18%	0.00%	0.01%	1.01%

Quan chức Fed muốn giữ nguyên lãi suất trong ít nhất vài tháng tới

Bà Beth Hammack, Chủ tịch Fed chi nhánh Cleveland, lo ngại chính sách tiền tệ đang kích thích hoạt động kinh tế và dự kiến ngân hàng trung ương cần giữ nguyên lãi suất trong ít nhất vài tháng để quan sát áp lực giá.

NHNN hút ròng gần 3.500 tỷ đồng, lãi suất liên ngân hàng giảm sâu

Trong tuần từ 15/12 - 19/12, NHNN đã cho các thành viên vay tổng cộng 61.029 tỷ đồng với lãi suất 4,5% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá và khối lượng đáo hạn lên tới 64.528 tỷ đồng.

Lãi suất huy động lên 7-8% một năm

Nhiều nhà băng tung chương trình cộng lãi suất, đưa mức cao nhất thị trường lên 7-8% một năm cho khoản tiền gửi vài trăm triệu đồng.

Bản tin doanh nghiệp



Vint

BSR lên kế hoạch lãi sau thuế gần 2.200 tỷ trong năm 2026

BSR công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh tạm thời năm 2026, với doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 154.140 tỷ đồng (tăng 34% so với kế hoạch năm 2025) và lợi nhuận sau thuế khoảng 2.162 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với kế hoạch 2025.



Petrosetco ước lãi kỷ lục 322 tỷ đồng, tăng 46%

PET ước tính doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 20.600 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm và tăng 8% so với năm 2024. LNTT 402 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch. LNST cao kỷ lục 322 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch đề ra. Ước tính quý 4, PET đạt 5.784 tỷ đồng doanh thu và 74,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng 25,2% và 20,7% so với cùng kỳ.



Cổ đông Masan Consumer đón tin vui liên tiếp: Sắp nhận 238 triệu cổ phiếu thưởng sau khi MCH chuyển sàn niêm yết trên HoSE

Masan Consumer đã thông qua phương án phát hành gần 238 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ phát hành là 22,5%, tương ứng cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ nhận thêm 225 cổ phiếu mới. Ngoài ra, hơn 1 tỷ cổ phiếu MCH của Masan Consumer sẽ chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên HoSE từ 25/12/2025.

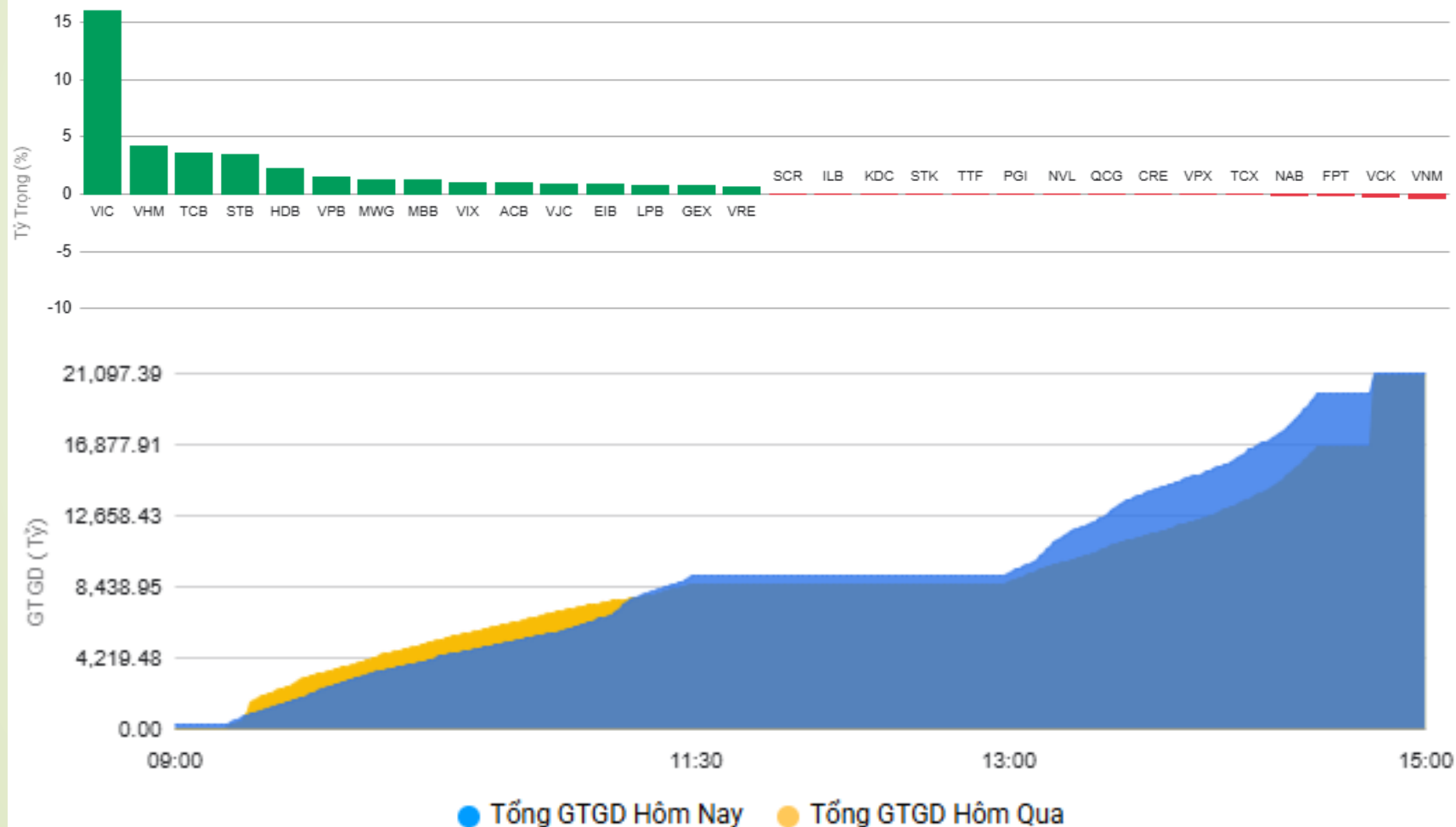
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
HAN	23/12/2025	29/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.50%	250
PTO	23/12/2025	31/12/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
S4A	23/12/2025	09/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
A32	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
BAX	24/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
CCC	24/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	2000
CCC	24/12/2025	24/12/2025	Phát hành cổ phiếu	2.00%	200
DGC	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HDM	24/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HUG	24/12/2025	20/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
PAT	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	100.00%	10,000
DNT	25/12/2025	09/01/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
TMP	25/12/2025	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
SBV	25/12/2025	25/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
VWS	25/12/2025	08/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
TDB	26/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
AVC	29/12/2025	30/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
QHD	29/12/2025	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17.00%	1,700
VLB	29/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
ADP	30/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800
HPO	30/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (22/12/2025)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	29,000	-5.9%	Link	Link
TPB	01/07/2024	12/09/2025	17,350	21,619	17,300	25.0%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/08/2025	21,250	32,200	35,200	-8.5%	Link	Link
MBB	29/08/2024	13/08/2025	24,850	28,500	25,250	12.9%	Link	Link
ACB	23/09/2024	01/08/2025	25,650	31,500	24,300	29.6%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	27,220	27,000	0.8%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	35,150	-0.4%	Link	Link
VCB	24/02/2025	02/10/2025	93,100	70,800	57,800	22.5%	Link	Link
BID	20/03/2025	10/10/2025	39,800	44,650	38,400	16.3%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	26,900	14.2%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	16,050	10.3%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,300	14.9%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	32,650	37.8%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	33,150	26.7%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	18,000	15.6%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	9,420	27.4%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	34,600	17.1%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	33,000	-9.1%	Link	Link
HAH	31/03/2025	12/08/2025	52,800	69,420	59,800	16.1%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	107,400	-18.8%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	52,400	-3.6%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	59,500	23.3%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	24,600	9.6%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	20,800	20.9%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	20,500	-8.8%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	18,500	18.2%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	61,900	34.1%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	23,950	11.9%	Link	Link
CTD	24/09/2025		81,900	94,400	83,000	13.7%	Link	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.